

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 03 - 2025.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước Tỷ

2. Ông Trần Văn Tám

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:* Ông Phạm Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2024/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Xuân T, sinh năm 1987 (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Hòa V, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2024 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Đặng Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đặng Xuân T và chị Nguyễn Thị Mỹ C (Sau đây gọi tắt là anh T, chị C) tự quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Yên, huyện An Biên (Nay thuộc huyện U

Minh Thuận), tỉnh Kiên Giang ngày 08/12/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống trong việc làm ăn kinh doanh, việc học hành nuôi dạy con luôn có ý trái chiều nhau, tính tình đôi bên không hợp nên vợ chồng tự ly thân từ năm 2022 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh yêu cầu được ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh T, chị C có 01 người con chung Đặng Dĩ Khang, sinh ngày 27/7/2011 (Hiện con đang sống với anh T). Vợ chồng ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con chung Dĩ Khang, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ C được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh kiên quyết được ly hôn với chị C. Thời gian chung sống vợ chồng anh T, chị C luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp. Nhiều lần anh, chị hàn gắn nhưng không thành nên ly thân từ năm 2022 đến nay, cả hai không quan tâm đến nhau; vợ chồng ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con chung Dĩ Khang, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T, cụ thể: Về hôn nhân cho anh T được ly hôn với chị C; về con chung giao cháu Khang cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con, nên miễn xét; về chia tài sản chung không có, nên đề nghị HĐXX miễn xét.

Về án phí: Nguyên đơn anh T chịu án phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn anh T. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị C.

[2]. Về hôn nhân: Hôn nhân của anh T và chị C là hợp pháp. Tại phiên tòa anh T trình bày lý do xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi về việc làm ăn kinh tế trong gia đình, việc nuôi dạy con ăn, học. Từ đó, vợ chồng anh T, chị C luôn có ý kiến trái ngược nhau, mỗi người một ý, không ai chịu nhường nhịn ai. Sự việc mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm liền, mặc dù anh T, chị C có hàn gắn nhưng vẫn không thay đổi, nên tự ly thân từ năm 2022 đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa anh T, chị C là mâu thuẫn thường xảy ra trong cuộc sống gia đình, đáng lẽ ra các bên phải biết tìm hiểu rõ sự thật của vụ việc để thông cảm, tha thứ cũng như chia sẻ khó khăn cho nhau, tạo điều kiện cho anh, chị hàn gắn mâu thuẫn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó mà lại quyết định sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay, làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng thêm, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tình trạng hôn nhân của anh, chị cũng được UBND xã Thanh Yên A xác nhận là đúng, nghĩ nên cho anh T được ly hôn với chị C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Anh T, chị C có 01 người con chung Đặng Dỹ Khang, sinh ngày 27/7/2011. Tại bản tự khai ngày 14/02/2025 cháu Khang có nguyện vọng được sống với anh T khi cha mẹ ly hôn. Anh T yêu cầu được nuôi con chung Dỹ Khang, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con, HĐXX nhận thấy: Hiện cháu Khang đang sống với anh T được anh T cho đi học, cháu đang học lớp 8 đã thích nghi với bạn bè, môi trường sống bên anh T và để đảm bảo cuộc sống ổn định, quyền lợi về mọi mặt cho cháu được nuôi dưỡng và phát triển tốt nhất. HĐXX thống nhất giao con chung Dỹ Khang cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Dỹ Khang. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh T không yêu cầu.

[4]. Về chia tài sản chung: Anh T, chị C không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án xem xét nên HĐXX miễn xét.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Th là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5]. Về án phí: Anh Đặng Xuân T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000803 ngày 18/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đặng Xuân T với chị Nguyễn Thị Mỹ C.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Dĩ Khang, sinh ngày 27/7/2011 (Hiện đang sống với anh T) cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh T không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Mỹ C có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Anh T, chị C không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí: Anh Đặng Xuân T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000803 ngày 18/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.UMT;
- Chi cục Thi hành án DS H. UMT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng